

CÔNG TY TNHH CMC TÙNG LÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CMC TÙNG LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CMC TUNG LAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108388613

3. Ngày thành lập: 06/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 215 Đường Hữu Hưng, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
3.	Quảng cáo	7310
4.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ sản xuất phim và hoạt động phóng viên ảnh)	7420
5.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
6.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
7.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn cao su; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn bao bì carton, nguyên phụ liệu phục vụ ngành giấy, ngành may	4669
10.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
11.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, chè; bán buôn thực phẩm chức năng	4632

13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
14.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê phong bật	7729
15.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
21.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
22.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
23.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
24.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
25.	Xây dựng công trình công ích	4220
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; thủy lợi; công trình hạ tầng kỹ thuật	4290
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn)	4312

29.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà,	4390
30.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
31.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
32.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí	9329
33.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
34.	Tái chế phế liệu	3830
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
36.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic, Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	2220(Chính)
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
44.	Bán buôn đồ uống	4633
45.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn va li, cặp túi, hàng da và giả da khác; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ y tế	4649
47.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, tôn, Inox	4662
50.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng.)	4541
51.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THU HIỀN	Số 151 Nguyễn Bính, Phường Trần Quang Khải, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	2.100.000.000	70,000	162848835	

2	KIỀU THỊ THU	Thôn Rộc Đoài, Xã Đại Đồng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	30,000	111944407	
---	--------------	--	-------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ THU HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/05/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162848835

Ngày cấp: 18/01/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 151 Nguyễn Bính, Phường Trần Quang Khải, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 151 Nguyễn Bính, Phường Trần Quang Khải, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội